

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **121/2018/DS-PT**

Ngày: 27/6/2018

V/v tranh chấp đòi quyền  
sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Lâm Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Quốc Chiến  
Ông Võ Văn Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Kháng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 99/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** bà Cao Thị P, sinh năm 1947 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh 2, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Dương Tấn L - Văn phòng luật sư Dương Tấn L thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

**- Bị đơn:** ông Võ Hoài T, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Trung Q, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang

**- Người có quyền lợi, N vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1950 (vắng mặt)

2. Ông Võ H S, sinh năm 1972 (vắng mặt)

3. Ông Võ H P, sinh năm 1978 (có mặt)

4. Ông Võ H H, sinh năm 1982 (vắng mặt)
5. Ông Võ H D, sinh năm 1985 (vắng mặt)
6. Bà Võ Thị Tú T, sinh năm 1979 (vắng mặt)
7. Chị Trà Thị Ngân T, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Trung Q, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và N vụ liên quan:* bà Trần Thị Q, ông Võ H S, ông Võ H H, ông Võ H D, bà Võ Thị Tú T và chị Trà Thị Ngân T là ông Võ H P, sinh năm 1978 (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2017). (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1940 (có mặt).
2. Ông Trần T B, sinh năm 1952 (vắng mặt).
3. Ông Trần Văn M, sinh năm 1956 (vắng mặt).
4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954 (có mặt).
5. Ông Nguyễn Văn B, Sinh năm 1930 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Trung Q, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang;

6. Bà Lý Thị N, sinh năm 1936 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang;

- *Người kháng cáo:* bà Cao Thị P là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Cao Thị P trình bày:* bà P có 10 (mười) công đất ruộng tầm 03 mét tọa lạc tại ấp Trung Q, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang được mẹ cho từ năm 1966 khi ra ở riêng. Bà P đã sử dụng mảnh đất Đ năm 1976 thì Ủy ban nhân dân xã Đông T thu hồi của gia đình bà 20 công đất trong đó có phần đất của bà 10 công với lý do bán đất cho Mỹ (Đế quốc Mỹ). Sau khi thu hồi chính quyền đã giao số đất của bà cho một số cơ quan làm nhưng không có hiệu quả nên bỏ hoang đến năm 1983-1984 ông Võ Hoài T vào bao chiếm và sử dụng. Thời kỳ trang trải ruộng đất năm 1983-1984 bà P nhiều lần xin lại phần đất bị thu hồi nhưng chính quyền không giải quyết mà giao cho bà mấy công đất ở trên Kinh 500, xã Đông T nhưng do đất ở vị trí xa nên bà không nhận và mẹ bà P nói đòi được đất thì làm, không đòi được thì thôi. Bà P đã nhiều lần yêu cầu ông T giao trả đất và bồi thường công sức tôn tạo đất nhưng ông T không trả. Vào năm 1995 ông T được cấp quyền sử dụng đối với diện tích đất trên và sử dụng cho đến nay. Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2015, bà P yêu cầu ông T giao trả cho bà diện tích đất bao chiếm là 10 công đất tầm 03 mét tọa lạc tại ấp Trung Q, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2017 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà P yêu cầu ông T giao trả diện tích đất bao chiếm thực tế là 11.742,0 m<sup>2</sup>.

Vào ngày 24/01/2018 bà P có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy Quyết định số 324/QĐ-UB ngày 17/12/1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị P và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 119403 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 08/11/2002 cho ông Võ Hoài T. Vào ngày 30/01/2018, bà P có đơn yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết theo thẩm quyền.

*Bị đơn ông Võ Hoài T trình bày như sau:* Trước đây cha mẹ ông T có cho vợ chồng ông 15 công đất tầm 03 mét tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang để sản xuất. Vào năm 1983 Đ năm 1985 thực hiện chủ trương yêu cầu người sản xuất phải gắn với ruộng đồng và thời điểm đó gia đình ông T sinh sống tại ấp Đông Quý, xã Đông T nên ông T đã giao 15 công đất ruộng của gia đình cho xã Y để cấp cho hộ khác đồng thời xin xác nhận về xã Đông T xin lại đất để thuận tiện cho gia đình vợ con làm ăn sinh sống và vào tập đoàn sản xuất.

Số đất bà P có tranh chấp với ông T trước đó là của cha dượng bà P là ông Nguyễn Văn P bị Nhà nước thu hồi. Sau khi Nhà nước thu hồi đất của ông Nguyễn Văn P, chính quyền đã giao cho nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng và Đ 09 năm sau vào đầu năm 1984, chính quyền xã Đông T xem xét và cấp cho gia đình ông T mảnh đất đó để sản xuất. Gia đình ông T sử dụng đất liên tục trong 33 năm qua, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1995 cho đến nay. Đất bà P tranh chấp với gia đình ông T là đất do chính quyền cấp cho gia đình ông T sử dụng chứ ông không bao chiếm của bà P như lời trình bày của bà P. Ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của bà P.

*Người đại diện ủy quyền cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Võ H P, ông Võ H D trình bày:* thống nhất với lời trình bày của ông T xác định đất bà P tranh chấp là đất nhà nước cấp cho hộ gia đình ông T, xác định yêu cầu khởi kiện của bà P là không có căn cứ và không đồng ý yêu cầu đòi đất của bà P.

*Theo lời trình bày của những người dân sống lâu năm tại ấp Trung Quý, xã Đông T (ông Trần Văn T, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hải H và ông Lâm T P) đều xác định:* nguồn gốc mảnh đất bà P có tranh chấp với ông T trước đây là của ông Cao Văn C (Cha bà P) tạo lập. Sau khi ông C chết bà C lấy chồng sau là Nguyễn Văn P, ông P và bà C tiếp tục sử dụng số đất trước đây ông C và bà C tạo lập. Vào thời điểm năm 1969, 1970 đế quốc Mỹ chọn khu đất của ông P sử dụng làm sân bay dã chiến và kho chứa súng đạn nên mua đất của dân và ông P đã bán đất cho Mỹ tổng số khoảng 31 công. Khi Miền Nam giải phóng Mỹ rút quân về nước, vào năm 1976 chính quyền đã đến tiếp quản số đất đế quốc Mỹ mua của dân trước đây rồi giao cho một số tổ chức (huyện đội, trạm máy kéo) sử dụng nhưng không hiệu quả và cũng giao cho một số người không có đất sử dụng. Đ năm trang trải đất đai 1983-1984 chính quyền xã Đông T giao cho gia đình ông Võ Hoài T sử dụng 10 công đất tầm lớn sau khi ông T giao đất của gia đình ông T cho xã Y. Ông Lâm T P, ông Lê Văn C còn cho biết vào thời kỳ trang trải đất đai các ông là thành viên trong đội đi đo đất giao cho gia đình ông T. Những người dân

hiểu biết sự việc đều cho rằng số đất bà P tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của bà P.

Qua xác minh từ ông Đào Văn Nam, nguyên trưởng ban nhân dân ấp Phú Hưởng xã Đông T cho biết vào thời kỳ trang trải đất đai ấp Phú Hưởng có xét cấp cho gia đình bà P và ông Trần Văn N (chồng bà P) 30 công đất tầm lớn tại ấp Phú Hưởng giáp ranh ấp Kinh I (hiện nay thuộc về ấp Kinh I, xã Đông T). Nguồn gốc số đất cấp cho gia đình bà P là đất gốc của ông Trần Văn D - cha ông N. Thời điểm cấp đất gia đình bà P sinh sống tại thị trấn Thới Ba nhưng do có hộ khẩu tại ấp Phú Hưởng nên vẫn được xét cấp theo nhân khẩu tại ấp Phú Hưởng theo định mức nhân khẩu.

Qua xác minh từ ông Nguyễn Văn H nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y cho biết: vào năm 1983 ông T và gia đình vợ con sinh sống tại xã Đông T, thực hiện chính sách người đầu đất đỏ nên ông T đã giao 15 công đất của gia đình ông T cho chính quyền ấp Tây Sơn, xã Y, sau đó ông H có viết xác nhận đề ông T về xã Đông T xin cấp đất.

Những người hiểu biết sự việc đều xác định vào thời kỳ trang trải đất đai những năm 1982-1985 thực hiện giao cấp đất cho người dân đều dựa trên số nhân khẩu của gia đình được thống kê theo danh sách của ấp, xã và giao cấp đất theo danh sách chứ không có quyết định hay giấy tờ gì.

- Tại Công văn số 320/UBND-NCPC ngày 15/9/2017 và Công văn số 435/UBND - NCPC ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện A nêu ý kiến trả lời các công văn Tòa án huyện A cho biết: Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận (Bìa xanh) ngày 30/5/1995 và đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất W119403 (Bìa đỏ) ngày 08/11/2002 cho hộ ông Võ Hoài T theo hình thức công nhận quyền sử dụng đất là đúng thủ tục, trình tự và đối tượng theo sơ đồ địa chính lập năm 1993.

*\* Tại bản án sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị P về việc yêu cầu ông Võ Hoài T giao trả diện tích đất 11.742,0 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Trung Q, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Giữ nguyên hiện trạng phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 11.742,0 m<sup>2</sup> nằm tại thửa 142 tờ bản đồ 1-3 tọa lạc tại ấp Trung Q, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo bản vẽ hiện trạng của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A cho hộ gia đình ông Võ Hoài T tiếp tục sử dụng.

Vị trí đất được mô tả bằng hình 1-2-3-4 có số đo như sau:

Cạnh 1-2 giáp đất ông Võ Hoài T là 141,30m;

Cạnh 2-3 giáp đất ông Võ Hoài T là 84,70m;

Cạnh 3-4 giáp đất ông Nguyễn T H là 110,80m;

Cạnh 4-1 giáp Mương Thủy Lợi là 107,30m.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá tài sản và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

\* Ngày 18/4/2018 bà Cao Thị P có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp P thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là xét xử vụ án không thuộc thẩm quyền; không đưa các đồng nguyên đơn vào tham gia tố tụng và ông Võ Hoài T là đối tượng không thuộc diện được cấp đất.

Tại P tòa P thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Cao Thị P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P - luật sư Dương Tấn L: xác định vào năm 1983 ông T bao chiếm của bà P 10 công đất, yêu cầu hủy Quyết định số 324/QĐ-UB ngày 17/12/1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị P và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 119403 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 08/11/2002 cho ông Võ Hoài T vì cho rằng việc cấp đất cho ông T là không đúng đối tượng, thời điểm cấp đất ông T là cán bộ không thuộc diện được cấp đất và trong Công văn số 320/UBND-NCPC ngày 15/9/2017 Ủy ban nhân dân huyện A trả lời cấp đất cho ông T vào năm 1995 nhưng lời trình bày của ông T là cấp đất vào năm 1983 là có sự mâu thuẫn. Luật sư Dương Tấn L xác định nội dung khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 324/QĐ-UB ngày 17/12/1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T của bà P là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện A, đề nghị chuyển thẩm quyền giải quyết vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Phía bị đơn ông Võ Hoài T và người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và N vụ liên quan là ông Võ H P yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án Đ thời điểm nghị án tại P tòa P thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp P thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Cao Thị P và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại P tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở XE xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các ông (bà): Cao Văn T, Cao Thị Đ, Cao Thị T, Cao Thị L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Út B, Nguyễn Văn Bãy E vào tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, vì những người này và

bà P đều cho rằng phần đất đang tranh chấp với ông Võ Hoài T là do cha mẹ cho riêng bà P vào năm 1966 và chính các anh, chị, E bà P đều có lời khai thừa nhận phần đất tranh chấp là của bà P, họ không có liên quan và không yêu cầu gì trong vụ kiện này (Bút lục số 91, 92, 93, 93a) nên cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: xét nội dung kháng cáo của bà Cao Thị P, Hội đồng xét xử xét Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị P về việc yêu cầu ông Võ Hoài T giao trả diện tích đất 11.742,0 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Trung Q, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Giữ nguyên hiện trạng phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 11.742,0 m<sup>2</sup> nằm tại thửa 142, tờ bản đồ 1-3, tọa lạc tại ấp Trung Q, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang là có căn cứ.

Vì qua kết quả xác minh từ những người hiểu biết sự việc sinh sống tại ấp Trung Quý trong đó có nhiều người từng giữ chức vụ trong ban lãnh đạo ấp Nam Quý thời kỳ trang trải ruộng đất giai đoạn 1982 -1985 như ông Lâm T P, ông Lê Văn C, ông Lê Văn N đều xác định diện tích đất các đương sự đang có tranh chấp là đất do chính quyền địa phương giao cho nhiều cơ quan sử dụng canh tác. Đ năm 1983 thực hiện chính sách đất đai, chính quyền địa phương mới chia cấp cho gia đình ông T. Sau thời gian ông T được giao cấp đất để sử dụng, bà P đã khiếu nại đề đòi lại số đất trên. Trong Quyết định số 324/QĐ-UB ngày 17/12/ 1997, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A đã bác toàn bộ đơn khiếu nại của bà P về việc đòi lại 10 công đất đã được Nhà nước quản lý vào năm 1976 và xác định 10 công đất ông T sử dụng là được Nhà nước giao. Từ những căn cứ trên có cơ sở để xác định việc bà P cho rằng ông T tự ý vào bao chiếm và sử dụng đất của bà P từ năm 1983 là không có căn cứ.

Qua lời khai của bà P và các nhân chứng là ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn H thì nguồn gốc đất là của cha mẹ cho bà P trước năm 1975. Khoảng năm 1976 Nhà nước đã quản lý do phần đất tranh chấp liên quan chính quyền chế độ cũ. Sau khi thu hồi đất được giao cho một số cơ quan, tổ chức và người dân không có đất sản xuất. Đ thời kỳ trang trải ruộng đất năm 1983-1984 chính quyền đã giao cho gia đình ông Võ Hoài T 10 công đất để sử dụng cho Đ nay và được Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995.

Về cơ sở để cấp đất cho gia đình ông T, qua kết quả xác minh cho thấy: trước năm 1983 gia đình ông T có 15 công đất tại ấp Tây Sơn, xã Y. Thực hiện chính sách liên canh, liên cư gia đình ông T đã giao đất của mình cho chính quyền ấp Tây Sơn, xã Y và về xã Đông T xin cấp đất. Việc ông T giao đất cho xã Y được nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y xác nhận. Sau khi giao đất cho chính quyền xã Y gia đình ông T được chính quyền xã Đông T xE xét cấp 10 công đất tại ấp Trung Quý là hoàn toàn phù hợp với chủ trương, chính sách đất đai lúc bấy giờ.

Tại P tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P yêu cầu hủy Quyết định số 324/QĐ-UB ngày 17/12/1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị P và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 119403 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 08/11/2002 cho ông Võ Hoài T. Nhận thấy, nội dung khởi kiện ban đầu là kiện đòi

lại đất nhưng nội dung khởi kiện bổ sung lại yêu cầu hủy các quyết định cá biệt trong đó có quyết định cá biệt giải quyết việc khiếu nại đòi đất là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật đất đai quy định “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”; đồng thời, căn cứ điểm a tiểu mục 2.4 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình quy định “*chủ cũ hoặc người thừa kế của người đó không có quyền đòi lại quyền sử dụng đất nếu đất đó đã được giao cho người khác sử dụng và họ đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1987, Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003...*”

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị P và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Cao Thị P phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Luật đất đai; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình quy định; Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Cao Thị P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

### **Tuyên Xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị P về việc yêu cầu ông Võ Hoài T giao trả diện tích đất 11.742,0 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Trung Q, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Giữ nguyên hiện trạng phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 11.742,0 m<sup>2</sup> nằm tại thửa 142 tờ bản đồ 1-3 tọa lạc tại ấp Trung Q, xã Đông T, huyện A,

tỉnh Kiên Giang theo bản vẽ hiện trạng của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A cho hộ gia đình ông Võ Hoài T tiếp tục sử dụng.

Vị trí đất được mô tả bằng hình 1-2-3-4 có số đo như sau:

Cạnh 1-2 giáp đất ông Võ Hoài T là 141,30m;

Cạnh 2-3 giáp đất ông Võ Hoài T là 84,70m;

Cạnh 3-4 giáp đất ông Nguyễn T H là 110,80m;

Cạnh 4-1 giáp mương Thủy Lợi là 107,30m.

## 2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: buộc bà Cao Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 7.128.000 đồng (Bảy triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001270 ngày 30/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà Cao Thị P được hoàn trả số tiền chênh lệch là 6.928.000 đồng (Sáu triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

- Án phí phúc thẩm: bà Cao Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001584 ngày 19/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: bà Cao Thị P phải chịu là 4.099.000 đồng, bà P đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P TÒA**

**Lê Lâm Sơn**